

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP

Trụ sở chính: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655

Fax: 0274 3822 713

Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655

Fax: 0274 3822 713

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h theo yêu cầu khác

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2018 tổng hợp và Báo cáo tài chính quý 2 năm 2018 hợp nhất của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 30/7/2018 tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục *thông tin doanh nghiệp - công bố thông tin*.

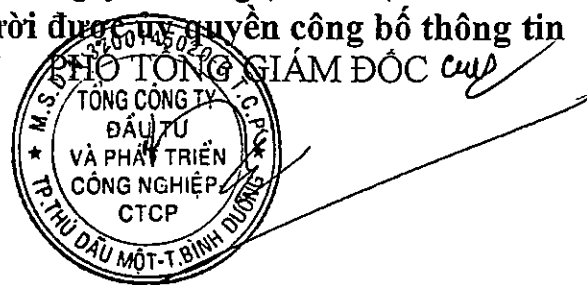
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 2 2018

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

Người được ủy quyền công bố thông tin



NGUYỄN VĂN HOÀNG

Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÍ II NĂM 2018**

Kính gửi :

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

MỤC LỤC

1. Mục lục
2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
3. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính ngày 30 tháng 06 năm 2018
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38,320,555,038,951	36,989,890,553,705
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,625,769,344,741	2,967,781,230,625
1. Tiền	111		928,393,325,515	968,598,282,106
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,697,376,019,226	1,999,182,948,519
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		614,905,020,545	616,351,311,545
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4,893,028,550	4,893,028,550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(78,858,650)	(512,567,650)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		610,090,850,645	611,970,850,645
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6,561,917,377,068	6,400,193,854,923
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5,538,480,591,351	5,801,653,224,383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	266,109,996,892	157,107,076,715
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây c	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		25,500,000,000	25,500,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	749,637,730,774	433,703,864,696
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18,662,453,116)	(18,586,791,811)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		851,511,167	816,480,940
IV. Hàng tồn kho	140		28,463,041,040,416	26,896,603,335,511
1. Hàng tồn kho	141	V.7	28,465,841,611,593	26,899,568,526,649
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,800,571,177)	(2,965,191,138)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54,922,256,181	108,960,821,102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	17,095,668,517	26,711,899,441
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,607,069,174	40,890,124,115
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	31,219,518,490	41,358,797,546
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14,075,295,955,379	13,641,086,202,656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		314,302,207,811	635,120,022,812
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		294,456,763,808	604,735,894,906
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	19,845,444,003	30,384,127,906
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1,653,596,081,403	1,592,601,489,496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1,527,971,544,544	1,476,279,428,656
- Nguyên giá	222		2,986,975,050,945	2,870,141,927,290
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,459,003,506,401)	(1,393,862,498,568)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	125,624,536,859	116,322,060,840
- Nguyên giá	228		165,974,079,355	153,785,956,050
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40,349,542,496)	(37,463,895,210)
III. Bất động sản đầu tư	230		676,169,924,708	703,526,617,912
- Nguyên giá	231		735,450,343,454	758,532,502,871
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(59,280,418,746)	(55,005,884,959)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,768,048,349,575	1,813,682,181,651
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1,697,363,874,609	1,741,738,894,367
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	70,684,474,966	71,943,287,284
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9,133,169,360,576	8,364,518,835,798
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9,020,858,330,576	8,251,187,805,798
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	112,111,030,000	113,131,030,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200,000,000	200,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		530,010,031,306	531,637,054,987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	56,315,858,848	57,012,862,887
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		473,606,927,350	474,527,253,092
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269	V.17	87,245,108	96,939,008
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52,395,850,994,330	50,630,976,756,361

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		41,163,877,168,250	39,605,386,531,267
I. Nợ ngắn hạn	310		25,373,799,440,100	25,655,942,028,194
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	435,474,951,325	897,329,219,472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2,017,364,339,077	1,348,209,729,677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	142,895,577,955	99,794,031,590
4. Phải trả người lao động	314	V.15	53,789,116,221	92,725,788,654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13,493,861,463,352	13,785,717,677,732
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	7,011,004,919	1,255,068,993
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	1,300,764,697,569	744,363,981,920
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	7,839,558,835,529	8,604,228,477,545
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	7,683,864,590	9,021,319,831
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		75,395,589,563	73,296,732,780
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		15,790,077,728,150	13,949,444,503,073
1. Phải trả người bán dài hạn	331		546,501,482,217	565,501,482,217
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		90,945,460,659	70,451,777,932
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		84,861,624,998	47,507,032,767
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	32,820,092,898	31,044,185,839
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19 b,c	15,028,955,678,648	13,229,021,369,308
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		5,993,388,730	5,918,655,010
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

RIÊN

 HIỆP-

 P

 T BÌNH

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11,231,973,826,080	11,025,590,225,095
I. Vốn chủ sở hữu	410		11,231,973,826,080	11,025,590,225,095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	7,951,756,326,147	7,951,756,326,147
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7,951,756,326,147	7,951,756,326,147
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17,658,493,021	18,726,393,021
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27,114,313,476	24,371,577,054
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	713,965,379,162	704,542,714,826
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1,362,110,178,212	1,362,110,178,212
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(15,042,834,946)	(192,335,326,683)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	432		1,174,411,971,008	1,156,418,362,518
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52,395,850,994,330	50,630,976,756,361

Bình Dương, ngày 26 tháng 07 năm 2018



Phan Thị Mỹ Kim
 Phan Thị Mỹ Kim
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
 Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II Năm 2018

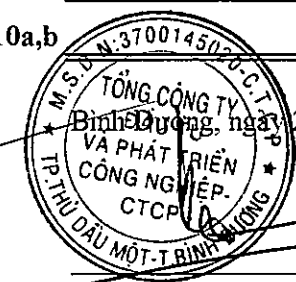
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,973,598,226,715	3,947,044,468,318
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	386,412,929,307	453,187,866,723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,587,185,297,408	3,493,856,601,595
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	889,523,351,039	2,138,423,767,004
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		697,661,946,369	1,355,432,834,591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	61,051,624,314	70,384,912,917
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	210,926,261,864	389,500,233,970
Trong đó: chi phí lãi vay	23		195,186,917,244	363,552,181,237
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c, VI.6	272,170,981,147	475,819,163,100
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	182,586,455,812	292,868,143,515
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	91,198,014,226	176,905,503,736
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		546,173,819,928	1,042,363,029,387
12. Thu nhập khác	31	VI.8	426,813,976,256	436,703,012,980
13. Chi phí khác	32	VI.9	413,742,298,615	416,196,335,747
14. Lợi nhuận khác	40		13,071,677,641	20,506,677,233
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		559,245,497,569	1,062,869,706,620
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	110,706,642,217	130,709,150,518
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(21,549,814,477)	(21,529,821,290)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		470,088,669,829	953,690,377,392
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		435,276,966,441	892,157,497,915
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			34,811,703,387	61,532,879,478
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b		

1.4.1
JNG
F
VA
TR/TH

Mue

Nguyễn Thị Thanh Nhân



ngày 26 tháng 07 năm 2018

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II Năm 2018

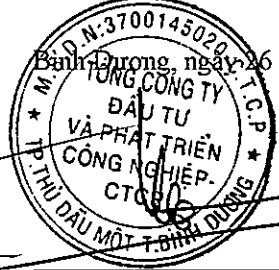
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		399,479,796,699	
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	38,728,266,410	
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6	(806,216,589)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		302,346,292	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(60,491,982,774)	
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	195,189,869,564	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(189,883,022)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		572,212,196,580	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		313,243,724,160	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(891,799,678,039)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(471,552,247,949)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,924,307,595	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(74,080,069,518)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19,613,241,587)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4,932,690,277	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(338,632,308,200)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(901,364,626,681)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11	(103,126,236,465)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,792,573,162	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(162,880,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		160,670,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(314,673,496,892)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,200,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	55,952,007,353	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(361,065,152,842)	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29,520,000,000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	3,926,309,299,851	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(2,104,210,829,928)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1,220,000,000)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,467,311,841)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>1,834,931,158,082</i></u>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		572,501,378,559	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2,053,267,966,182	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>2,625,769,344,741</u>	

RIỂN
 CHIẾP
 CP
 (01-T)



Bình Dương, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Phan Thị Mỹ Kim

Nguyễn Thị Thanh Nhân

Nguyễn Văn Hùng

Phan Thị Mỹ Kim
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là đầu tư, xây dựng, sản xuất – chế biến, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mù cưa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp, kinh doanh bất động sản	78,80%	78,80%	78,80%	78,80%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	C1-2-3 đường DT6 – Khu liên hiệp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Sản xuất bê tông trộn sẵn; Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị; Kinh doanh bất động sản.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị; Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất vật liệu xây dựng.	60,70%	60,70%	60,70%	60,70%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp; San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản.	51,82%	51,82%	51,82%	51,82%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát,	Hoạt động của bệnh viện và phòng khám	65,47%	65,47%	65,47%	65,47%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	tỉnh Bình Dương Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	chữa bệnh. Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%
Công ty Cổ phần Dược Becamex	Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế và kinh doanh bất động sản.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học theo học chế tín chỉ, liên thông.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Đường ĐT 750, ấp Ông Thanh, xã Cây Trường, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Trồng cây hàng kỳ; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.	72,22%	72,22%	75,00%	75,00%
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	78,80%	78,80%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	78,80%	78,80%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	D12, đường Lê Hoàn, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Tư vấn, thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở...	60,70%	60,70%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Đường D1 - Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cấu kiện...	35,21%	35,21%	58,00%	58,00%
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá, thép...	49,17%	49,17%	81,00%	81,00%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác khoáng sản	54,78%	54,78%	74,66%	74,66%
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung.	44,02%	44,02%	60,00%	60,00%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh khu công nghiệp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đầu tư, kinh doanh cấp và thoát nước	41,00%	51,00%	41,00%	51,00%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Đại lộ NE2, xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	4Bis, Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư vốn	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô Z01 - 02 -03a, Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Lô T4, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, tỉnh Bình Dương Tầng 17 Becamex Tower-	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%	48,59%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	230 Đại lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

5c. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Lô M2, đường Lý Thái Tổ, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Liên doanh TNHH Sinviet	Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất nước uống tinh khiết và cung cấp các dịch vụ chuyên ngành về nước giải khát và nước uống tinh khiết.	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 5.928 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 6.474 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

NG P A T C . I . I
D A

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí khảo sát, thiết kế,.... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

|| 03/12/2018 ||
|| P.T. K. C. ||

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, chi phí khảo sát, thăm dò trữ lượng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật công. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

ĐẠI CỘNG HÒA VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

17. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

18. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

19. **Phân phối lợi nhuận**

Tập đoàn phân phối lợi nhuận như sau:

- Tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Công ty mẹ), lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.
- Các Công ty con phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hàng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt.

20. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

24. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá Trị đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	
					Cộng
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore ⁽ⁱ⁾	4.070.762.275.900	4.070.762.275.900	461.013.591.047	3.609.748.684.853	4.070.762.275.900
Công ty Cổ phần Setia – Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	165.454.493.926	165.454.493.926	264.000.000.000	(98.545.506.074)	165.454.493.926
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương ^(iv)	61.672.599.443	61.672.599.443	60.000.000.000	1.672.599.443	61.672.599.443
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi ^(v)	93.570.917.654	93.570.917.654	56.158.252.500	37.412.665.154	93.570.917.654
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ^(vi)	92.813.227.279	92.813.227.279	118.964.000.000	(26.150.772.721)	92.813.227.279
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(vii)	2.930.272.528.078	2.930.272.528.078	3.010.000.000.000	(79.727.471.922)	2.930.272.528.078
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Miền Đông ^(viii)	121.457.364.397	121.457.364.397	91.500.000.000	29.957.364.397	121.457.364.397
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa ^(ix)	-	-	93.959.409.787	(93.959.409.787)	-
Công ty Cổ phần Tái chế Vật liệu Xanh ^(ix)	-	-	3.750.000.000	(3.750.000.000)	-
Công ty LD TNHH Sín Việt ^(x)	5.395.244.005	5.395.244.005	2.235.910.000	2.918.259.227	5.154.169.227
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương ^(xi)	710.030.229.894	710.030.229.894	615.000.000.000	95.030.229.894	710.030.229.894
Công ty CP phát triển công nghiệp BW	769.429.450.000	769.429.450.000			
Cộng	9.020.858.330.576	9.020.858.330.576	4.351.026.943.334	3.363.160.862.464	8.251.187.805.798

- (i) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore 461.013.591.407 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (ii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (iii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất 111.445.780.000 VND, tương đương 37,15% vốn điều lệ. Trong năm Công ty thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty liên kết .
- (iv) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương 60.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (v) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi 56.158.252.500 VND, tương đương 35,19% vốn điều lệ.
- (vi) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam 118.964.000.000 VND, tương đương 48,59% vốn điều lệ.
- (vii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.
- (viii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (ix) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa và Công ty Cổ phần Tái chế Vật liệu Xanh từ Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương giảm do thoái vốn, chuyển Công ty con thành Công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (x) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Sinviet 2.235.910.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (xi) Trong năm 2017 Tập đoàn thoái 10% vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương chuyển khoản đầu tư vào Công ty này từ Công ty con thành Công ty liên kết. Tỷ lệ đầu tư 41% vốn điều lệ.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702637282 ngày 23 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển công nghệ BW 769.429.450.000 VND

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết:

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh bất động sản	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao thông và Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	-	1.647.500.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp VSIP JSC	52.025.280.000	-	52.025.280.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	55.700.000.000	-	55.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược Becamex	-	-	1.020.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển và Công nghệ Becamex TIC	738.250.000	-	738.250.000	-
Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức 1	-	-	-	-
Cộng	112.111.030.000	-	113.131.030.000	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>26.167.442.705</i>	<i>312.400.075.374</i>
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	1.534.747.783	50.688.942.086
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông		10.192.291.202
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	11.471.166.757	11.471.166.757
Công ty TNHH Becamex Tokyu		17.542.783.023
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam		4.478.429.367
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản		215.978.800.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa quốc tế Becamex		7.967.919
Công ty cổ phần phát triển công nghiệp BW	11.121.833.145	
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	2.039.695.020	2.039.695.020
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>5.512.313.148.646</i>	<i>5.489.253.149.009</i>
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 - Xi nghiệp xây dựng Số 2		-
Công ty TNHH Nội thất Gỗ Phú Đình		37.445.453.449
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây dựng địa ốc Kim Oanh		264.375.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	3.169.420.856.152	3.139.420.856.152
Công ty TNHH Thiết kế Môi giới Bất động sản Rồng Vàng		-
Khách hàng mua bất động sản		394.385.429.106
Các khách hàng khác	2.342.892.292.494	1.917.737.035.302
Cộng	<u>5.538.480.591.351</u>	<u>5.801.653.224.383</u>

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.25).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>294.456.763.808</u>	<u>157.107.076.715</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>25.500.000.000</i>	<i>25.500.000.000</i>
Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 05%/năm	5.500.000.000	5.500.000.000
Cho Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ và Đầu tư vay với lãi suất 05%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>25.500.000.000</u>	<u>25.500.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cộng	749.637.730.774		433.703.864.696	(604.325.204)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cộng	19.845.444.003		30.384.127.906	-

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	18.586.791.811	31.691.090.587
Trích lập dự phòng bổ sung	75.661.305	1.615.251.681
Hoàn nhập dự phòng		(1.025.129.677)
Giảm do thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		(10.604.242.134)
Xử lý xóa sổ		(3.090.178.646)
Số cuối năm	18.662.453.116	18.586.791.811

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho	851.511.167	816.480.940
Tài sản khác		-
Cộng	851.511.167	816.480.940

9. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			391.843.288	-
Nguyên liệu, vật liệu	87.808.202.261		115.992.761.179	(221.278.516)
Công cụ, dụng cụ			5.758.471.012	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	26.206.819.289.314		24.612.488.046.817	(2.636.958.759)
Thành phẩm	122.982.562		283.837.834.855	(98.066.656)
Hàng hóa	2.168.290.566.279		1.880.013.940.505	(8.887.207)
Hàng gửi đi bán			1.085.628.993	-
Cộng	28.465.841.611.593	(2.800.571.177)	26.899.568.526.649	(2.965.191.138)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tập đoàn là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Năm trước
--	--------	-----------

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
 ĐẠI

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.965.191.138	602.812.871
Trích lập dự phòng bổ sung		2.645.845.966
Hoàn nhập dự phòng	(164.619.961)	(87.249.248)
Giảm do thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		(196.218.451)
Số cuối quý	<u>2.800.571.177</u>	<u>2.965.191.138</u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>17.095.668.517</u>	<u>26.711.899.441</u>

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>56.315.858.848</u>	<u>57.012.862.887</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

12. Tài sản cố định vô hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định vô hình được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

13. Bất động sản đầu tư

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	758.532.502.871
Kết chuyển từ XD nhà xưởng	23.082.159.417
Số cuối kỳ	<u>735.450.343.454</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	55.005.884.959
Khấu hao trong năm	4.274.533.787
Số cuối kỳ	<u>59.280.418.746</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>703.526.617.912</u>
Số cuối kỳ	<u>676.169.924.708</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

14. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		1.697.363.874.609	1.697.363.874.609	1.741.738.894.367

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	61.626.372.267	61.626.372.267
Mua quyền sử dụng đất	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	9.417.482.070	9.417.482.070
Chi phí sửa chữa	899.432.947	359.379.371
Cộng	71.943.287.284	70.684.474.966

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	474.527.253.092	463.276.499.353
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		29.108.599.107
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	(920.325.742)	(17.857.845.368)
Số cuối kỳ	473.606.927.350	474.527.253.092

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

17. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn*Phải trả người bán ngắn hạn*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	435.474.951.325	897.329.219.472

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**18a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	2.017.364.339.077	1.348.209.729.677

18b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản ứng trước của các khách hàng không phải bên liên quan mua hàng hóa bất động sản.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mũ cao su thô, khám chữa bệnh	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt, hoạt động bán thuốc	05%
- Các hoạt động khác	10%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5%. Ngoài ra, Tập đoàn còn được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản cho người mua.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, sỏi và đất. Thuế suất và đơn giá tính thuế tài nguyên như sau:

	<u>Thuế suất</u>	<u>Đơn giá /m³</u>
• Khai thác đá, sỏi	7%	110.000VND
• Khai thác đất	4%	20.000VND

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và các khoản thưởng còn phải trả.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>13.493.861.463.352</u>	<u>13.785.717.677.732</u>

22. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/ dài hạn

Tiền thuê đất nhận trước tại các khu công nghiệp.

23. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

23a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>1.300.764.697.569</u>	<u>744.363.981.920</u>
23b. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>32.820.092.898</u>	<u>31.044.185.839</u>
23c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		
24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn		
24a. Vay ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>7.839.558.835.529</u>	<u>8.604.228.477.545</u>
24b. Vay dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>15.028.955.678.648</u>	<u>13.229.021.369.308</u>
24c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán		
Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.		
25. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn		
25a. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Số đầu năm		<u>9.021.319.831</u>
Số cuối kỳ		<u>7.683.864.590</u>
25b. Dự phòng phải trả dài hạn		
Số đầu năm		<u>5.918.655.010</u>
Số cuối kỳ		<u>5.993.388.730</u>
26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Chi tiết số phát sinh về Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm được trình bày ở Phụ lục 06 đính kèm.		
27. Vốn chủ sở hữu		
27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 07 đính kèm.		
27b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		
Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục 07 đính kèm.		
27c. Nợ khó đòi đã xử lý		

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Phương Trinh Bình Dương	100.800.000	100.800.000	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trần Hòa Phát	4.117.350	4.117.350	Khách hàng đã giải thể
Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Thành	10.106.927	10.106.927	Khách hàng đã giải thể
Công ty TNHH Dược phẩm Hưng Phúc	355.819.281	355.819.281	Không thu được tiền bán hàng do hàng không đạt chất lượng
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	540.040.712	540.040.712	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thiên Nam	733.225.000	733.225.000	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Công ty TNHH Tư vấn Trần Đình Cửu	75.600.000	75.600.000	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Các đối tượng khác	<u>3.371.260.803</u>	<u>3.371.260.803</u>	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Cộng	<u>5.190.970.073</u>	<u>5.190.970.073</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán vé cầu đường	66.059.557.414	254.032.821.426
Doanh thu xây dựng	16.750.960.248	221.495.111.201
Doanh thu kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	1.558.487.442.459	3.543.708.047.306
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	148.650.590.743	804.919.464.363
Doanh thu bán thành phẩm	178.193.294.991	1.894.364.754.739
Doanh thu hoạt động khác	<u>5.456.380.860</u>	<u>274.551.306.274</u>
Cộng	<u>1.973.598.226.715</u>	<u>6.993.071.505.309</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	3.104.848	617.015.094
Hàng bán bị trả lại	384.921.505.086	181.163.107.541
Giảm giá hàng bán	1.488.319.373	7.570.480.725
Cộng	<u>386.412.929.307</u>	<u>189.350.603.360</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	12.557.448.679	46.745.698.220

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thi công, xây dựng công trình	7.701.034.430	107.794.626.885
Giá vốn kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	716.494.175.604	2.490.543.997.855
Giá vốn cung cấp dịch vụ, hàng hóa	68.340.160.829	590.677.498.812
Giá vốn của thành phẩm	81.922.031.910	1.278.556.173.539
Giá vốn hoạt động khác	2.508.499.587	181.622.115.040
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		2.558.596.718
Dự phòng bảo hành		1.564.726.757
Chi phí vượt định mức		2.634.935.874
Thuế GTGT không được khấu trừ		798.277.265
Cộng	<u>889.523.351.039</u>	<u>4.703.496.646.965</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	28.514.285.960	130.769.210.936
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		1.129.826.087
Lãi tiền cho vay, lãi trả chậm		1.275.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.576.224.028	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.818.027	532.094.811
Lãi bán hàng trả chậm		354.179.552
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		301.812.438.074
Các khoản doanh thu tài chính khác	1.952.296.299	459.566.988
Cộng	<u>61.051.624.314</u>	<u>436.332.316.449</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	195.186.917.244	1.051.618.689.874
Chiết khấu thanh toán cho người mua		9.275.530.122
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu		3.679.240.524
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.135.047	20.277.899.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		248.227.839
Lỗ thoái vốn công ty con		5.210.113.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		6.978.033.876
Các khoản chi phí tài chính khác	15.731.209.573	3.032.802.835
Cộng	<u>210.926.261.864</u>	<u>1.100.320.537.591</u>
6. Phần lãi lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	240.600.242.690	672.979.663.160
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	(618.795.278)	(1.771.588.373)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất		-



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	(757.241.400)	286.655.830
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	9.122.520.209	34.634.371.200
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	8.397.706.662	15.269.124.038
Công ty TNHH Becamex Tokyu	(2.534.049.061)	3.062.924.439
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	3.561.706.257	26.630.530.279
Công ty Liên doanh TNHH Sinviet		594.352.350
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	14.553.315.339	34.266.714.910
Công ty CP Kinh doanh và phát triển Bình Dương (Công ty liên kết)	154.567.116	-
Công ty cổ phần công nghiệp BW	(308.991.387)	
Cộng	<u>272.170.981.147</u>	<u>785.952.747.833</u>
7. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	38.169.967.707	207.093.673.723
Chi phí vật liệu, bao bì		21.678.544.384
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.291.846.227	3.864.832.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.645.410.040	154.473.428.823
Chi phí hoa hồng môi giới		10.577.358.978
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	58.266.356.805	120.155.610.799
Chi phí điện nước, viễn thông	12.237.880.568	
Các chi phí khác	38.974.994.465	178.410.500.673
Cộng	<u>182.586.455.812</u>	<u>696.253.950.142</u>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	36.416.276.580	282.479.202.842
Chi phí vật liệu quản lý	2.053.234.768	10.551.528.998
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.661.831.733	23.661.321.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.463.681.158	20.294.293.059
Thuế, phí và lệ phí	2.650.102.339	13.610.314.503
Chi phí tiền ăn, tiền phụ cấp	10.863.841.945	11.304.497.751
Chi phí giao tiếp, tiếp khách	3.668.825.543	
Các chi phí khác	20.420.220.160	152.303.477.437
Cộng	<u>91.198.014.226</u>	<u>514.204.635.936</u>
9. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>426.813.976.256</u>	<u>131.271.476.210</u>
10. Chi phí khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>413.742.298.615</u>	<u>25.331.588.845</u>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	288.299.883.457	1.016.424.467.878
Chi phí nhân công	141.339.902.541	886.779.945.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.699.070.908	458.500.076.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.618.724.843.383	3.050.408.398.803
Chi phí khác	29.993.069.971	1.365.314.250.917
Cộng	3.109.056.770.260	6.777.427.140.404

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Công ty liên kết Singapore	
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh TNHH Sinviet	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Dầu Một	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần tái chế vật liệu Xanh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MTV

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.4, V.5, V.6a, V.18a, V.19a, V.22 và V.24a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 849/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV.

Tổng Công ty thực hiện đấu giá cổ phần hóa 02 đợt vào ngày 01 tháng 12 năm 2017 và ngày 03 tháng 01 năm 2018 với tổng số lượng cổ phần được chào bán thành công là 23.469.000 cổ phần trị giá 729.471.550.000 VND. Tổng Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần vào ngày 01 tháng 02 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 370145020 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, căn cứ Quyết định số 68/QĐ-SGDHN ngày 08/02/2018 về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phần Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP và văn bản số 923/UBCK-QLCB ngày 05/02/2018 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về kết quả đấu giá cổ phần hóa của Tổng Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra thông báo số 11/TB-SGDHN về việc chính thức đưa cổ phần của Tổng Công ty vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

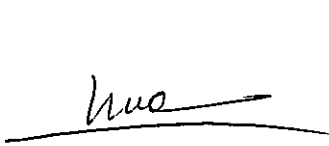

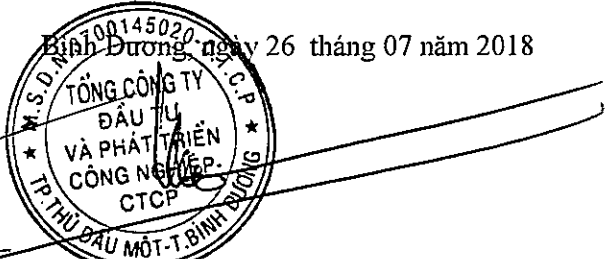
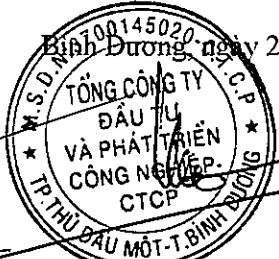
Theo Công văn số 15/2018/GCNCP-VSD ngày 20 tháng 03 năm 2018, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán cho Tổng Công ty niêm yết 1.012.581.100 cổ phiếu phổ thông trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Thông tin khác

Tổng Công ty chưa nhận được biên bản xác định giá trị doanh nghiệp được phê duyệt chính thức từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV. Do đó các số liệu trên Báo cáo tài chính được ghi nhận theo giá trị sổ sách của Tổng Công ty.

Bình Dương, ngày 26 tháng 07 năm 2018

 Phan Thị Mỹ Kim Người lập biểu	 Nguyễn Thị Thanh Nhân Kế toán trưởng	  Nguyễn Văn Hùng Tổng Giám đốc
--	--	--

